

Thân Loan Thánh nhân

DI ĐÀ NHƯ LAI DANH HIỆU ĐỨC

彌陀如來名號德

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Di Đà Như Lai Danh Hiệu Đức (彌陀如來名號德) được viết bởi Đại sư Thân Loan và được đưa vào tập thứ hai của Chân Tông Thánh Giáo Toàn Thư (真宗聖教全書). Sơn Điền Văn Chiêu (山田文昭, Fumiaki Yamada, 1877-1933), học giả Lịch sử Phật giáo, giáo sư Đại học Đại Cốc, phát hiện cuốn sách này tại chùa Chánh Hành ở thành phố Tùng Bản (Matsumoto), tỉnh Trường Dã (Nagano), Nhật Bản, vào năm Đại Chánh (Taisho) thứ 7 (1918), cách nay hơn 100 năm.

Tác phẩm này được viết bởi Thân Loan Thánh nhân khi ông 88 tuổi, hai năm trước khi vãng sanh ở tuổi 90. Có lẽ Đại sư cũng thường viết văn này và gửi cho các đệ tử của mình ở khắp mọi nơi, và ngay cả ở tuổi 88, già mà vững chãi, vung bút viết thẳng. Nó gợi nhớ đến một ông già đã 88 tuổi, vẫn miệt mài truyền bá tâm đại bi của Đức Phật A Di Đà và chia sẻ pháp lạc với những pháp hữu ít biết chữ ở nông thôn, trên tinh thần sáng suốt mà dạn đi dạn lại khấn niệm danh hiệu A Di Đà Phật.

Người ta tin rằng một bản sao không đầy đủ của cuốn sách này được lưu giữ tại chùa Chánh Hành ở Nagano, và một bản sao thay thế đã được truyền lại cho chùa Thượng Cung ở Aichi. Bởi vì cuốn sách này cực kỳ hiếm và không có bản thảo nào khác nên nó chưa được nghiên cứu đầy đủ. Vì vậy, có một số bất đồng về việc liệu bản sao của chùa Thượng Cung có thực sự là “Di Đà Như Lai Danh Hiệu Đức” hay không.

Mười hai quang được tìm thấy trong Chánh Tín kệ:

“Vô Lượng, Vô Biên Quang tỏa khắp

Vô ngại, Vô Đối Quang, Viêm Vương

Thanh Tịnh, Hoan Hỷ, Trí Tuệ Quang

Bất Đoạn, Nan Tư, Vô Xưng Quang

Siêu Nhật Nguyệt Quang chiếu cõi bụi.”

Và văn bản này có thể được hiểu như lời bình luận của Thân Loan Thánh nhân về quang minh thứ ba trong số mười hai quang: “Vô Ngại Quang”.

Cuốn sách này giải thích ngắn gọn ý nghĩa của mười hai loại quang minh của Đức Phật A Di Đà, rồi quy kết thành tôn hiệu mười chữ: “Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai”, hay tôn hiệu tám chữ: “Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Phật”.

Trong Chánh Tín Kệ, câu 62 là “Quy mạng Vô Ngại Quang Như Lai”. Câu này đối ứng và quan hệ với câu 1: “Quy mạng Vô Lượng Thọ Như Lai”. Vô Lượng Thọ được hiểu là sự sống vĩnh hằng, không có hạn lượng, và Vô Ngại Quang nghĩa là quang minh cứu độ không gì ngăn cản được.

Trong thế giới của chúng ta, nơi nào có ánh sáng, nơi đó có bóng tối. Nếu ánh sáng phát ra từ một nguồn bị chặn bởi một vật gì đó, thì một cái bóng sẽ xuất hiện. Nhưng quang minh của Đức Phật A Di Đà, quang minh của Vô Lượng Thọ [Vô Ngại Quang], là quang minh lan tỏa vô tận khắp mười phương mà không bị bất kỳ chướng ngại nào, xuyên thấu vạn vật, vượt qua mọi ánh sáng và bóng tối. Theo Thân Loan Thánh nhân, quang minh “vô ngại” này chiếu sáng bình đẳng trên mọi hữu tình, từ những người có chút niềm tin cho đến những người tu hành miên mật; và quang minh “vô ngại” này soi sáng vô minh, mê hoặc của chúng sanh, đồng thời hướng dẫn chúng sanh đi đến chân thật.

Trong mười hai quang minh, Vô Ngại Quang Phật là căn bản. Tất cả chúng sanh trong mười phương, ngay cả chúng sanh đầy phiền não ác nghiệp, đều không thể chướng ngại, đều được độ thoát, cho nên gọi là Vô Ngại Quang Phật. Vì vậy biết rằng, Vô Ngại Quang là một quang minh bao hàm tất cả quang minh. Do đó, Bồ tát Thế Thân phát biểu: “*Quy mạng Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Như Lai*”. Hòa thượng Đàm Loan xưng tụng: “*Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Phật*”.

Cuốn sách này là một tác phẩm ngắn, tựa đề được các thế hệ sau thêm vào. Thật không may, có một số chỗ trong văn bản bị thiếu nên không thể xem xét toàn bộ.

Danh hiệu của Mười Hai Quang Phật xuất phát từ Kinh Vô Lượng Thọ, và được ca ngợi chi tiết trong Tán A Di Đà Phật Kệ của Đại sư Đàm Loan và Vãng Sanh Lễ Tán Kệ của Đại sư Thiện Đạo. Nó cũng được đề cập trong Tam Thiếp Hòa Tán và Giáo Hành Tín Chứng do Đại sư Thân Loan trứ tác.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật đã ca ngợi uy lực quang minh của Đức Phật A Di Đà: “Đức Phật Vô Lượng Thọ có uy thần quang minh tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng.”

Trong Kinh Đại A Di Đà, Đức Phật cũng hết lời tán thán: “Đức Phật A Di Đà là vua trong các Đức Phật, nên quang minh cũng cực tôn trong các quang minh.”¹

Quang minh của Đức Phật A Di Đà không gì so sánh được, vì vậy mà Đức Phật đã ca ngợi: “Vô Đối Quang Phật”. Quang minh của Đức Phật A Di Đà nằm ở uy thần lực cứu độ tất cả chúng sanh trong mười phương. Chỉ có Đức Phật A Di Đà mới có thể cứu độ tất cả chúng sanh trong mười phương, còn tất cả chư Phật trong mười phương thì không thể.

Quán Kinh nói: *“Mỗi một quang minh chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp lấy chẳng bỏ chúng sanh niệm Phật.”*

Đại sư Thiện Đạo cũng nói: *“Quang minh của Phật chiếu khắp, chỉ nhiếp lấy người niệm Phật.”*²

Quán Niệm Pháp Môn nói: *“Chỉ có chúng sinh chuyên niệm A Di Đà Phật, tâm quang của Đức Phật thường chiếu soi người ấy, nhiếp hộ không bỏ; hoàn toàn chẳng chiếu nhiếp những người hành tạp nghiệp khác.”*³

¹ Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Đà Tam Phật Tát Lâu Phật Đảnh Quán Độ Nhân Đạo Kinh, No. 362, Chi Khiêm dịch, tr. 3a08.

² Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, No. 1753, Thiện Đạo tập ký, tr. 268a05.

Vãng Sanh Lễ Tán Kệ ghi: “*Như Đức Phật A Di Đà, vốn đã phát thệ nguyện sâu nặng, dùng danh hiệu, quang minh, nhiếp thọ giáo hoá mười phương chúng sanh, hơn nữa, những người có lòng tin, niệm Phật cầu vãng sanh, hoặc hành trì trọn đời, hoặc ít nhất là xưng niệm mười danh hiệu, do nguyện lực của Phật, đều được vãng sanh dễ dàng.*”⁴

Trong Tịnh Độ Luận Chú, Đại sư Đàm Loan nói: “*Danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai kia có thể phá hết thấy vô minh của chúng sanh, có thể thỏa mãn hết thấy chí nguyện của chúng sanh.*”⁵

A Di Đà Như Lai và tịnh độ Cực Lạc thường được ví như ánh sáng. Đó là vì chúng ta luôn sống trong bóng tối. Bóng tối giống như đêm đen. Đó là bóng tối khiến chúng ta không thể nhìn thấy những gì xảy ra xung quanh, không nhận ra ai bên cạnh. Nam mô A Di Đà Phật là một đại hành, mang lại cho chúng ta ánh sáng bình minh. Đó là lý do chư Phật trong mười phương, trong đó có Thân Loan Thánh nhân, khuyên chúng ta ca ngợi và xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật.

Quang minh uy thần

Tổ sư luận thích

Truyền thừa như vậy

Được thấy ở đây.

Di Đà quang minh

Tuy nói mười hai

Mười hai chẳng khác

Chỉ là một quang.

Có mười hai đức

³ Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn, gọi tắt là Quán Niệm Pháp Môn, No. 1959, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 25b01.

⁴ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ, No. 1980, Thiện Đạo tập ký, tr. 439b11.

⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Chú, No. 1819, Sa môn Đàm Loan chú giải tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá, No. 1524, của Bồ-tát Thiên Thân, quyển hạ, tr. 835b19.

Để mà tán ngưỡng
Nếu nói rộng ra
Thật là vô lượng.
Thích Tôn còn nói
“Bất khả xung thuyết”
Nên cuối sách này
Nói Vô Xung Quang.

San Francisco, ngày 1 tháng 12 năm 2024

Phật tử Quảng Minh kính ghi

DI ĐÀ NHƯ LAI DANH HIỆU ĐỨC

Đại sư Thân Loan trước tác

Vô Lượng Quang:

Quán Kinh nói: *“Thân Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn đặc tướng; trong mỗi một đặc tướng đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình. Trong mỗi một vẻ đẹp tùy hình còn có tám vạn bốn ngàn quang minh; mỗi một quang minh chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp lấy chẳng bỏ chúng sanh niệm Phật.”*⁶

Xét về ánh sáng này, Tăng đồ Nguyên Tín của Huệ Tâm Viện nói: *“Mỗi một đặc tướng đều có bảy trăm lẻ năm câu chi⁷ sáu trăm vạn quang minh, rực rỡ tráng lệ.”*

Quang minh tỏa ra từ mỗi đặc tướng là như vậy, thì có thể suy lường biết được quang minh tỏa ra từ tám vạn bốn ngàn đặc tướng phải nhiều vô số. Vì số lượng quang minh như vậy không phải toán số biết được, cho nên gọi là “Vô lượng quang”.

Vô Biên Quang:

Vô lượng quang minh như vậy, chiếu khắp mười phương, không có biên tế, cho nên gọi là “Vô biên quang”.

Vô Ngại Quang:

⁶ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tr. 343b23: “Vô Lượng Thọ Phật, hữu bát vạn tứ thiên tướng; nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo; nhất nhất hảo trung, phục bát vạn tứ thiên quang minh; nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới, niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả.” (無量壽佛, 有八萬四千相; 一一相中, 各有八萬四千隨形好; 一一好中, 復八萬四千光明; 一一光明, 遍照十方世界, 念佛眾生, 攝取不捨.)

⁷ Câu chi (俱胝): Phạm, Pàli: Koti. Cũng gọi là Câu trí (俱致), Câu lê (拘梨). Dịch ý là ức. Là tên gọi về số lượng của Ấn độ. Huyền ứng âm nghĩa, quyển 5 chép: Câu trí, hoặc gọi là Câu chi, tức Trung quốc gọi là một nghìn vạn hoặc ức. Giải thâm mật kinh sở, quyển 6 của ngài Viên trúc (Vạn tục 34, 444 thượng), nói: Câu chi, truyền thích có ba: một là mười vạn, hai là trăm vạn, ba là nghìn vạn. Do đó có thể thấy cách dịch qua các đời có khác nhau.

Ánh sáng của mặt trời hay mặt trăng, khi có vật gì đó xen vào giữa, ánh sáng ấy không xuyên qua được. Tuy nhiên, quang minh của Đức Phật A Di Đà không bị vật gì cản trở, chiếu soi tất cả chúng sanh, cho nên gọi là “Vô ngại quang”. Quang minh của Đức Phật A Di Đà không bị chướng ngại bởi tâm trí của chúng sanh đầy phiền não và ác nghiệp, cho nên gọi là “Vô ngại quang”.⁸

Nếu không có đức tánh của quang minh vô ngại, thì chúng ta sẽ như thế nào? Thế giới Cực Lạc kia và thế giới Ta Bà này cách nhau mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới⁹. Mỗi tam thiên đại thiên thế giới đều có bốn tầng núi Thiết Vi, cao bằng núi Tu Di. Thứ kế đó có núi Thiết Vi bao quanh Tiểu thiên thế giới, cao tới cõi trời thứ sáu¹⁰ của Dục giới. Thứ kế đó có núi Thiết Vi bao quanh Trung thiên thế giới, cao tới cõi sơ thiên của Sắc giới. Thứ kế đó có núi Thiết Vi bao quanh Đại thiên thế giới, cao tới cõi nhị thiên của Sắc giới. Do đó, nếu Đức Phật A Di Đà không có quang minh vô ngại, thì ngay cả một thế giới còn không thể thông suốt, đừng nói đến mười vạn ức thế giới. Quang minh của Đức Phật Vô Ngại Quang kia chiếu xuyên những ngọn núi một cách không thể nghĩ bàn như vậy để nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, cho nên gọi là “Vô ngại quang”.

Thanh Tịnh Quang:

⁸ Cho dù chương duyên của chúng ta đời đời kiếp kiếp nhiều như thế nào đi nữa, cũng chẳng thể làm trở ngại sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà, nếu tà nghiệp có thể làm trở ngại sự cứu độ của đức Phật đối với chúng ta, vậy thì Ngài chẳng thể nào nhiếp thủ bất xả, như trong kinh Bi Hoa, quyển 6 có nói: “Bị một nghìn lẻ bốn Đức Phật bỏ rơi, đây là những chúng sanh phiền não sâu dày: thời kỳ dữ dội đầy cả năm thứ vẫn đục nên tạo tội ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh nhân, thực hành tà kiến, lìa bảy Thánh tài, bất hiếu cha mẹ; đối với chư Sa môn, Bà la môn không có tâm cung kính; làm việc không nên làm, việc nên làm không làm, không hành việc phước, không sợ đời sau; tâm không muốn hành ba phước xứ, không cầu quả báo chư thiên, nhân loại; siêng hành mười ác hướng đến ba bất thiện, xa lìa thiện tri thức, không biết thân cận trí tuệ chân thật; đi vào ngục tù sanh tử tam hữu, trôi theo bốn dòng dữ, chìm đắm nơi sông tro, bị si mê làm cho tối tăm, xa lìa nghiệp lành, chuyên tạo nghiệp ác. Chúng sanh như vậy, thế giới của chư Phật không dung nạp, cho nên đến tập hợp ở thế giới này.” Thế nhưng Đức Phật A Di Đà là vua trong các Đức Phật, quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng, nên quang minh của Đức Phật A Di Đà không bị nghiệp chướng của chúng sanh làm chướng ngại, do đó Ngài không bao giờ từ bỏ chúng sanh.

⁹ Kinh A Di Đà: “Đức Thế Tôn bảo trưởng lão Xá Lợi Phất: Từ thế giới này, hướng về phía tây, qua mười vạn ức quốc độ của Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc.”

¹⁰ Đệ lục thiên 第六天: tức cõi trời Tha hóa tự tại, là cõi trời cao nhất thuộc Dục giới.

Quang minh mà Bồ tát Pháp Tạng có được là do không có tâm tham dục. Có hai loại tham dục: một là, tham dâm; hai là, tham tài.¹¹ Đây là quang minh có được do không có hai loại tham dục này. Đây là quang minh vì đoạn trừ những ô uế bất tịnh¹² của tất cả hữu tình, vì trừ sạch tội lỗi tham dâm và tham tài của tất cả hữu tình, cho nên gọi là “Thanh tịnh quang”.

Hoan Hỷ Quang:

Đây là quang minh có được nhờ thiện căn vô sân. Vô sân là ngoài mặt không có giận dữ và trong tâm không có ganh ghét. Đó là quang minh có được do không có tâm sân hận. Đó là quang minh có được để trừ sạch tội lỗi giận dữ và ganh ghét của tất cả hữu tình, cho nên gọi là “Hoan hỷ quang”.

Trí Tuệ Quang:

Đây là quang minh có được nhờ thiện căn vô si. Thiện căn vô si là vì giúp tất cả hữu tình phát khởi cái tâm học tập trí tuệ cho đến Vô thượng Bồ đề, và vì giúp tất cả hữu tình có cái tâm tín niệm nơi Phật. Người có tín niệm nơi Phật tức là đã có được trí tuệ mà sẽ trở thành thân Phật. Nên biết đây là quang minh viễn ly ngu si, cho nên gọi là “Trí Tuệ Quang Phật”.

Vô Đối Quang:

Không có ánh sáng nào tương tợ và sánh bằng quang minh của Đức Phật A Di Đà, cho nên gọi là “Vô đối”.

Viêm Vương Quang:

Quang minh rực rỡ, giống như ngọn lửa rực cháy ở đỉnh cao của nó. Giống như ngọn lửa, nó bùng lên khi không có khói.

¹¹ Người tu nếu không buông bỏ được tiền tài thì sẽ sanh lòng tham tiền tài, của cải; không buông bỏ được sắc đẹp thì sẽ háo sắc, tham dâm. Đạo nghiệp tuyệt đối chẳng thể nào thành tựu.

¹² Thất chủng bất tịnh (七種不淨): Quán sát thân người có bảy thứ ô uế bất tịnh, để phá trừ tham ái và chấp trước: Một là, quán cái thân dâm dục này sanh từ phiền não tham ái, tức là chủng tử bất tịnh. Hai là, khi phụ mẫu giao hội, trắng đỏ hòa hợp, tức là thọ sanh bất tịnh. Ba là, ở trong thai mẹ, ở dưới sanh tạng, ở trên thực tạng, tức là trụ xứ bất tịnh. Bốn là, khi ở trong thai mẹ, chỉ ăn uống máu mẹ, tức là thực dâm bất tịnh. Năm là, ngày tháng trọn đủ, đầu hướng đến sản môn, máu mủ cùng tủa ra, hôi thối, ô uế hỗn độn, tức là sơ sanh bất tịnh. Sáu là, da mỏng che lên trên, trong đó máu mủ trọn khắp hết thảy các chỗ, tức là toàn thân bất tịnh. Bảy là, cho đến sau khi chết, trương phình, nứt nẻ, hư hoại, xương thịt vung vãi, cáo, sói ăn nuốt, tức là cứu cánh bất tịnh.

Bất Đoạn Quang:

Quang minh này, xét mặt thời gian mà nói, chiếu sáng không ngưng không dứt. [...] ¹³

Siêu Nhật Nguyệt Quang:

Quang minh của Đức Phật A Di Đà đặc thù hơn ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, nên gọi là “Siêu”. Để cho chúng ta biết rằng quang minh của Đức Phật A Di Đà siêu thắng tất cả ánh sáng khác, cho nên gọi là “*Siêu nhật nguyệt quang*”.

Tôi đã trình bày sơ lược đức tánh của mười hai loại quang minh. Thật khó để viết ra một cách đầy đủ và chi tiết.

A Di Đà Phật là Trí tuệ quang. Trí tuệ quang được gọi là “Vô Ngại Quang Phật”. Sở dĩ gọi “Vô ngại quang” là vì quang minh này không bị chướng ngại bởi ác nghiệp và tâm phiền não của tất cả hữu tình trong mười phương. Vì không bị chướng ngại nên gọi là Vô ngại. Để biểu thị cho quang minh bất khả tư nghị của Đức Phật A Di Đà, cho nên [Bồ tát Thế Thân] nói: “*Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*”. Khi tâm thường hệ niệm và xưng niệm “Vô Ngại Quang Phật”, thì cũng là thể hiện đức hạnh của tất cả chư Phật mười phương. Khi xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, thì công đức và thiện căn cũng vô biên. Do đó, Bồ tát Long Thọ đã dạy, “*Tôi nói Phật kia sự công đức, chúng thiện vô biên như nước biển*”¹⁴, cho nên nói “Bất Khả Tư Nghị Quang Phật”. Bởi vì Đức Phật A Di Đà là Đức Phật Bất Khả Tư Nghị Quang, cho nên Bồ tát Thế Thân phát biểu trong Vãng Sanh Luận: “*Tận thập phương Vô Ngại Quang Phật.*” Đức Phật A Di Đà có danh hiệu dựa trên mười hai loại quang minh. [...] ¹⁵

Nan Tư Quang:

¹³ Phần thiếu sót.

¹⁴ Tịnh Độ Luận, No. 1963, Thích Ca Tài soạn, tr. 97a06.

¹⁵ Phần thiếu sót.

Đây là công đức quang minh của A Di Đà Như Lai. Đức Thích Ca Như Lai cũng nói: “Tâm không hiểu thấu”¹⁶. Bởi vì tâm không hiểu thấu, cho nên gọi là “Nan Tư Quang Phật”.

Vô Xưng Quang:

Đây là công đức của Đức Phật Bất Khả Tư Nghị. Đức Thích Ca Như Lai cũng nói: “Khó thể nói hết”¹⁷. Ngôn ngữ cũng không thể diễn tả, cho nên nói “Vô xưng quang”.

Vì thế, trong Tán A Di Đà Phật Kệ¹⁸, Hòa thượng Đàm Loan kết hợp ‘Nan Tư Quang Phật’ với ‘Vô Xưng Quang Phật’ mà nói: “Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Phật”.¹⁹ Đây cũng là Bất Khả Tư Nghị Quang Phật mà Bồ tát Thế Thân đã từng trình bày trong Tịnh Độ Luận²⁰.

[Trong lời nguyện “Chư Phật tư ta”²¹ có đại hành. Đại hành là xưng danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai. Sự thực hành vĩ đại này nhiếp hết tất cả hành, cực

¹⁶ Tâm sở bất cập (心所不及).

¹⁷ Nan dĩ tận thuyết (難以盡說).

¹⁸ Tán A Di Đà Phật Kệ (讚阿彌陀佛偈), No. 1978, Đàm Loan soạn, tr. 424a26: “Nam mô Bất khả Tư Nghị Quang, Nhất tâm quy mạng khể thủ lễ.” (南無不可思議光, 一心歸命稽首禮.)

¹⁹ Tôn Hiệu Chân Tượng Minh Văn (尊號真像銘文), No. 1656, Thân Loan soạn: “Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai: Quy mạng, là Nam mô. Quy mạng là thuận theo giáo mạng của Như Lai. Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai: tức là A Di Đà Như Lai, và Như Lai ấy chính là ‘quang minh’. Tận thập phương: Tận, là hết thấy; là hết thấy mười phương thế giới đều biến mãn. Vô ngại: không chướng ngại, phiền não ác nghiệp của chúng sanh không thể chướng ngại. Quang Như Lai: là Đức Phật A Di Đà; Như Lai ấy chính là Bất Tư Nghị Quang Phật (Đức Phật danh hiệu Ánh sáng không thể nghĩ bàn); Như Lai ấy là sắc thái của trí tuệ, chiếu khắp mười phương vi trần quốc độ.”

²⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá (無量壽經憂波提舍), No. 1524, 1 quyển, còn gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Luận, Vãng Sanh Tịnh Độ Luận, gọi đơn giản là Vãng Sanh Luận hay Tịnh Độ Luận, do Bồ tát Thiên Thân tạo. Đời Nguyên Ngụy, Thiên Trúc Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi dịch. Đây là một bộ luận quan trọng của Tịnh độ tông, dựa theo Tịnh Độ Tam Kinh, nhất là Kinh Vô Lượng Thọ, đề ra cương yếu và phương pháp tu hành là Ngũ niệm môn (Lễ bái, Tán thán, Tác nguyện, Quán sát, Hồi hướng) để tu tập cầu vãng sanh Cực lạc quốc của Đức Phật A Di Đà. Bản tiếng Phạn của bộ luận này đã bị thất lạc, hiện nay chỉ còn bản dịch tiếng Hán. Sau đời Đường, cuốn sách này được du nhập vào Nhật Bản, nhưng sau đó bị thất lạc ở Trung Quốc. Vào cuối thời nhà Thanh, nó được truyền lại từ Nhật Bản cho Trung Quốc.

²¹ Chư Phật tư ta nguyện (諸佛咨嗟願): Còn gọi là Chư Phật xưng thán nguyện (諸佛稱歎願), Chư Phật đồng tán danh tự nguyện (諸佛同讚名字願), Chư Phật xưng danh nguyện (諸佛稱名願), Chư Phật xưng dương nguyện (諸佛稱揚願). Là nguyện thứ 17 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, tức là thệ nguyện chư Phật đề cao, khen ngợi danh hiệu của Phật A Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, có chép lời thệ nguyện ấy như sau (Đại 12, 268 thượng): “Nếu tôi được thành Phật mà chư Phật trong mười phương vô lượng thế giới đều không tán thán danh hiệu của tôi, thì tôi sẽ không giữ lấy ngôi Chánh giác.”

kỳ nhanh chóng đạt đến sự viên mãn, cho nên gọi là đại hành. Vì lý do này, nó phá vỡ mọi vô minh của chúng sanh. Hơn nữa, vì chúng ta, những chúng sanh đầy đủ phiền não, có tín tâm tuyệt đối vào thệ nguyện của Đức Phật Vô Ngại Quang, cho nên chúng ta sẽ đến được quốc độ Vô Lượng Quang Minh. Khi chúng ta đến được quốc độ Vô Lượng Quang Minh thì tự nhiên có được vô lượng công đức và được đầy đủ quang minh quảng đại. Có được quang minh quảng đại thì khai mở những khía cạnh khác nhau của sự chứng ngộ.]”²²

Những hành giả tự lực không thể ngang hàng với Như Lai. Bằng tâm lý tự lực, họ không thể nào đến được quốc độ của Đức Phật Bất Khả Tư Nghị Quang. Chỉ có tín tâm vào tha lực mới có thể đến được quốc độ của Đức Phật Bất Khả Tư Nghị Quang. Người có tín tâm và nguyện sanh quốc độ kia thì có đầy đủ công đức bất khả xưng, bất khả thuyết, bất khả tư nghị. Do diệt hết tâm hành và dứt bật ngôn ngữ, cho nên gọi là “Bất Khả Tư Nghị Quang Phật”²³.

Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Phật

Bản thảo gốc ghi:

Viết chép vào năm Văn Ứng nguyên niên,
ngày 2 tháng 12 năm Canh Thân (1260)

Ngu Ngốc Thân Loan
Tuổi 88 viết xong

²² Mặc dù còn mang tính suy đoán, một số học giả đã cho rằng đoạn văn trong ngoặc [...] là một phần của văn bản.

²³ Giáo Hành Tín Chứng, chương 5: “Đức Phật là Bất Khả Tư Nghị Quang Như Lai và quốc độ cũng là Vô Lượng Quang Minh Độ.”